

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA BÌNH
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13/5/2024

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tào Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tài Em.

2. Ông Liêu Tài Ngoánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dư - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXX- ST ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp VL, xã VTh, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Thanh S, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp VL, xã VTh, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Huỳnh Thanh S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do sống không hợp nhau nữa thường xuyên cãi nhau. Nay xét thấy, tình cảm vợ chồng chị không thể tiếp tục sống chung được nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Thanh S.

Về con chung: Chị với anh S có 03 con chung tên là Huỳnh Tú Tr, sinh năm 2005, Huỳnh Tuấn A, sinh năm 2000 đã trưởng thành, con cháu Huỳnh Khánh D, sinh ngày 21/08/2008 hiện đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Huỳnh Thanh S không có lời trình bày tại Toà án, đồng thời bản thân anh S cũng không có cung cấp cho Toà án tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của chị Th theo quy định của pháp luật. Mặc dù anh S đã được Toà án giao thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc thu thập, tài liệu chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên tòa và quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, anh S vắng mặt không đến tham gia tố tụng và các phiên họp, phiên tòa và không trình bày ý kiến gì.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53; Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Không công nhận chị Nguyễn Thị Th và anh Huỳnh Thanh S là vợ chồng; về con chung, đề nghị giao cháu D cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng không đặt ra giải quyết do chị Th không yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu giải quyết. Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th và anh Huỳnh Thanh S, cùng địa chỉ huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Tại toà, chị Nguyễn Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Huỳnh Thanh S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt không có lý nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh S tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2005, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình: “ *Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý*” và khoản 1 Điều 14 “ *Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*” và tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “ *Trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*”. Nguyên nhân mâu thuẫn

là do vợ chồng chị sống không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau từ năm 2019 đến nay, nay chị Th xác định vợ chồng chị không còn tình cảm với nhau nữa, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh S. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh S nhưng anh S không đến Tòa để làm việc và cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm với chị Th. Xét thấy, vợ chồng phải biết, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng chị không biết tôn trọng nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc mà thường xuyên cãi nhau và hiện tại không còn chung sống với nhau và cũng không có liên lạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng; điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng chị đã có xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Th và anh Huỳnh Thanh S là vợ chồng.

[2] Về quan hệ con chung: Chị Th xác định vợ chồng chị có 03 người con chung tên là Huỳnh Tú Tr, sinh năm 2005, Huỳnh Tuấn A, sinh năm 2000 hiện đã trưởng thành, cháu Huỳnh Khánh D, sinh ngày 21/08/2008 đang sống với chị Th. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Huỳnh Khánh D, cháu D có nguyện vọng ở với mẹ, đây là sự tự nguyện của cháu D, không trái với quy định pháp luật. Do đó, việc giao cháu D cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi và phù hợp với nguyện vọng của cháu D, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th giao cháu D cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Th xác định không có, nên không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Th và anh Huỳnh Thanh S là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Huỳnh Khánh D, sinh ngày 21/08/2008 cho chị Nguyễn Thị Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Huỳnh Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Th không yêu cầu. Anh Huỳnh Thanh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Th đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005244 ngày 29/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tào Ngọc Phụng